



**CÔ MAI TTH**

**0349583031**



# **BÀI TẬP TUẦN** **TIẾNG VIỆT 1**

*Tập 1*



**BIÊN SOẠN THEO BỘ SÁCH CÁNH DIỀU**

## LUYỆN ĐỌC:

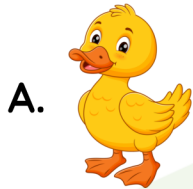
c a cà cá

## TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

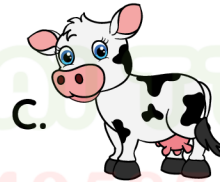
Câu 1: Vật chứa tiếng có âm **a** là:



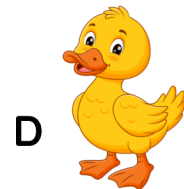
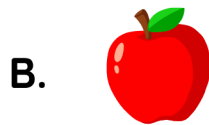
Câu 2: Vật chứa tiếng có âm **c** là:



Câu 3: Tiếng có chứa **thanh sắc (ˊ)** là:



Câu 4: Tiếng có chứa **thanh huyền (ˊ)** là:



## BÀI TẬP

Bài 1: Nối

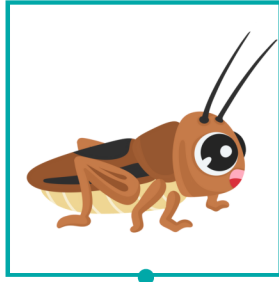


 **BÀI TẬP**

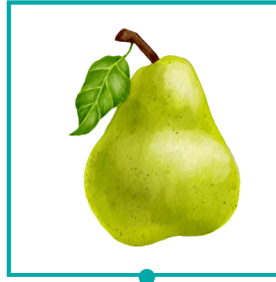
Bài 1: Đọc và nối:



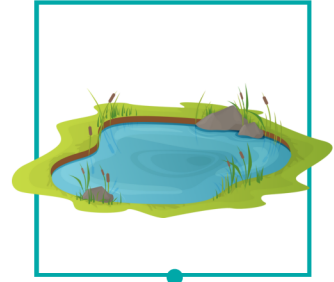
lê



hồ



để



gà mẹ

Bài 2: Khoanh vào từ viết **đúng**:



bì / bí



dê / để



bò / bó



bể / bế

Bài 3: Đọc và nối:



bố bế



bia



hổ



bì

Bài 4: Đọc câu rồi nối với hình ảnh:



Bé Hà bị ho.

Bố có bia.



# TUẦN 5: NG - NGH - P - PH - QU - R - S - X



## LUYỆN ĐỌC:



ng ngh p ph qu r s x

bí ngô, nghỉ hè, phố cổ, pi a nô, quả lê, gà ri, xe ca, xô cá  
Nghỉ hè, Bi ở nhà bà. Khi bà ra phố, cả nhà có quả.



## TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Từ có âm **ng** là:



A. bí ngô



B. quạ



C. cà phê



D. quả khế

Câu 2: Từ có âm **ph** là:



A. phở



B. quả na



C. pi a nô



D. pin

Câu 3: Hình ảnh đúng với từ **ngã** là:

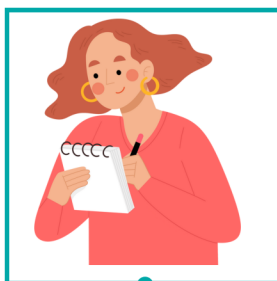


## BÀI TẬP

Bài 1: Đọc và nối:



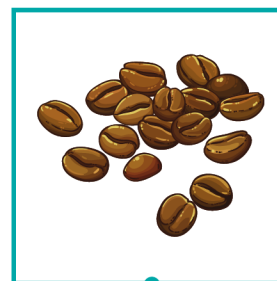
nghe



cà phê



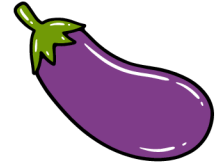
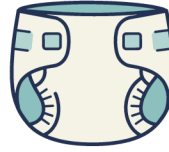
ghi sổ



quả mơ

# TUẦN 8: ÂM - ÂP - EM - EP - ÊM - ÊP - IM - IP

Bài 2: Điền **âm** hoặc **im** vào chỗ chấm:



củ s.....

k.....

b.....

cà t.....

Bài 3: Nối để tạo thành từ:



số



bếp



lễ



sâm

phép

cầm

lửa

đếm

Bài 4: Điền **em** hoặc **êm** vào chỗ chấm:



đ..... số



n.....



n.....



que k.....

Bài 5: Chọn từ điền vào chỗ trống: **lễ phép/ngỗ hạp**

Nhà bà trong .....

Bé Hà rất .....

Bài 6: Từ đúng ghi chữ **Đ**, từ sai ghi chữ **S**:



tập nệm



cá trắm



hầm mỏ

# TUẦN 11: UM - UP - UÔM - ƯƠM - ƯỚP - AN - AT



## LUYỆN ĐỌC:

um up uôm ươm ướp an at  
sum hợp, búp bê, thợ nhuộm, ươm mầm, quả mướp, bàn ghế  
Giàn mướp nhà Hà vừa ra nụ đã thơm ngát. Em bé mũm mĩm.



## TRẮC NGHIỆM (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Từ có vần **up** là:



A. hát



B. bướm



C. cúp



D. kiếm

Câu 2: Hình nào là **búp bê**?



A.



B.



C.



D.

Câu 3: Nhìn ảnh bên và chọn từ điền vào chỗ trống:

**Bố bé Lan là .....**

A. thợ mỏ

C. thợ hàn

B. thợ nề

D. ca sĩ



Câu 4: Tiếng có **thanh huyền (˘)** là:

A. cát

B. giàn

C. nhuộm

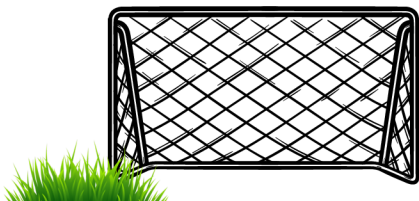
D. mũm mĩm



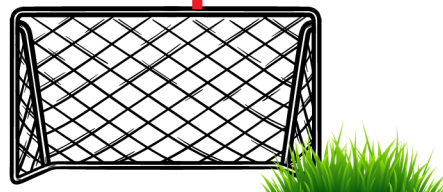
## BÀI TẬP

Bài 1: Nối:

**ươm**



**ướp**



**lươm**



**mướp**



**cướm**



**ướm**



**cướp**



**bướm**

**TUẦN 14: ÔN - ÔT - ƠN - ƠT - UN - UT - ỨT - UÔN - UÔT**

## Bài 2: Điền **un / ut / ưt** vào chỗ trống:



bát b.....



m.....



vết n.....



chú l.....

### Bài 3: Điền c hay k



.....**ún**



.....em



.....iên



.....ô



.....**g**n



# .....én



.....iêt



# .....uốn

### Bài 4: Chọn từ điền vào chỗ trống:

**muôn**

# khôn lớn

mút dũa

- Mẹ làm món .....
- Bố đi làm về .....
- Bé đã ..... rồi.

### Bài 5: Điền **ơn / ơt** vào chỗ trống:



V.....



con l.....



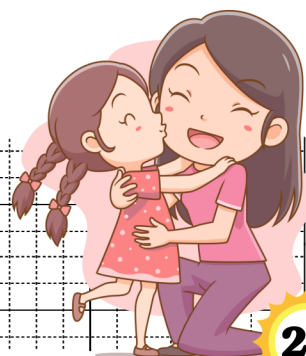
quả .....



S..... nhà

### Bài 6: Sắp xếp lại các từ thành câu rồi viết lại:

***má/Bé/lên/hôn/me.***





**LUYỆN ĐỌC:**

eng ec iêng yêng iêc ong oc ông ôc  
leng keng, eng éc, củ riềng, công chiêng, tổ ong, con sóc  
Chim yểng ở trong lồng. Chú công có bộ lông rất đẹp.



**TRẮC NGHIỆM** (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Từ có vần **ong** là:



A. bông



B. chiêng



C. cóc



D. bỏng

Câu 2: Hình nào là **bữa tiệc**?



A.



B.



C.



D.

Câu 3: Từ viết **sai** là:

A. mùa đông

B. gỗ keng

C. cái giyyểng

D. chong chóng

Câu 4: Nhìn ảnh bên và chọn từ điền vào chỗ trống:

**Phong và Đông đang .....**

A. lướt ván

C. gỗ keng

B. đá bóng

D. xem xiếc



**BÀI TẬP**

Bài 1: Đọc và nối:



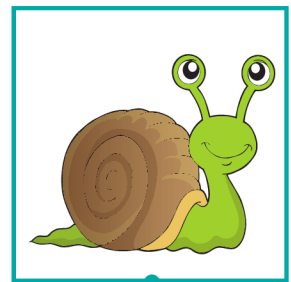
đèn lồng



tổ ong



rạp xiếc



ốc sên

**TUẦN 17: UNG - UC - ƯNG - ỨC - UÔNG - UÔC - ƯƠNG - ƯỚC**

## Bài 2: Điền **ưng / ương** vào chỗ trống:



### Bài 3: Nối để tạo thành từ:



**Bài 4: Từ nào đúng ghi chữ D, từ nào sai ghi chữ S:**

chim ương(

hương thơm

chúc mừng

giọt lước

## Bài 5: Nối để tạo thành câu:

## Gấu trúc

mặn chát.

Chúng em

đi rước đèn.

## Nước biển

ăn măng tre.

### Bài 6: Sắp xếp lại các từ thành câu rồi viết lại:

***rất/em./Bố mẹ/thương***



# BỘ BÀI TẬP TUẦN LỚP 1

## SÁCH CÁNH DIỀU - KÌ 1

Bộ tài liệu gồm các bài tập ôn tập cuối tuần từ **tuần 1** tới **tuần 18**, biên soạn theo sách **TIẾNG VIỆT 1** bộ **Cánh diều**.

Quý PH và thầy cô có nhu cầu mua file (chính chủ) vui lòng liên hệ Mai - 0349583031.

Xin cảm ơn!



### TUẦN 7: V - Y - AM - AP - ẪM - ẪP - CHỮ HOA

**Bài 2: Đọc và nối:**

bắp ngô      quả cam      y tá      số tám

**Bài 3: Điền am hoặc ăm vào chỗ chấm:**

g.....      kh.....      từ.....      số n.....

**Bài 4: Điền ap hoặc áp vào chỗ chấm:**

múa s.....      th.....      th..... lửa      g.....

**Bài 5: Chọn từ điền vào chỗ trống: nằm/nằm/làm**

Bé ..... ngủ trưa.

**Bài 6: Thêm dấu thanh đã học vào tiếng cho trước để tạo tiếng mới:**

Ví dụ: thâm .....> thắm, thẳm, thẳm

tâm .....> \_\_\_\_\_

tram .....> \_\_\_\_\_

### TUẦN 4: GH - GI - K - KH - M - N - NH

**LUYỆN ĐỌC:**

gh gi k kh m n nh  
gà gò ghé gỗ giá đồ kì đà cá kho cá mè nhỏ cỏ.  
Bổ có giò cá. Mẹ có cá kho. Bà có nho khô.

**TRẮC NGHIỆM** (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Tiếng có âm kh là:  
A.  B.  C.  D. 

Câu 2: Hình đúng với tiếng nhà là:  
A.  B.  C.  D. 

Câu 3: Tiếng có âm m là:  
A.  B.  C.  D. 

**BÀI TẬP**

**Bài 1: Đọc và nối:**

kì đà      nhà gỗ      ca nô      giò cá

### TUẦN 13: IN - IT - IÊN - IÊT - YÊN - YÊT - ON - OT

**LUYỆN ĐỌC:**

in it iên iết yên yêt on ot  
kín mít mịt mù dân diện viết thư chìm yến yể kiến con thỏ  
Cá rô con vọt lên bờ. Chà ngò, bẻ hồ khô cạn, nó nằm thỏ hí hóp.

**TRẮC NGHIỆM** (Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Từ có vần on là:  
A.  B.  C.  D. 

Câu 2: Hình nào là con kiến?  
A.  B.  C.  D. 

Câu 3: Nhìn ảnh bên và chọn từ điền vào chỗ trống:  
**Nghỉ hè, cá nhà bé đi .....**  
A. bắt cá      C. nhà hát      B. tắm biển      D. tham quan

Câu 4: Tiếng có thanh nặng ( ) là:  
A. kiệt      B. miến      C. vệt      D. nhìn

**BÀI TẬP**

**Bài 1: Đọc và nối:**

cô tiên      tập viết      bón phân      rút trà